

CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỘ GIA ĐÌNH CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ TẠI ĐẮK LẮK: TỪ HỖ TRỢ NGUỒN LỰC ĐẾN NÂNG CAO NĂNG LỰC TỰ CHỦ

LÊ MINH THIÊN
Viện Xã hội học và Tâm lý học,
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Nhận bài ngày 17/8/2026. Sửa chữa xong 10/9/2026. Duyệt đăng 15/9/2026.

Abstract

Household economic development plays an important role in sustainable poverty reduction in ethnic minority communities. This article examines policies, laws, and practical issues affecting ethnic minority household economies in Dak Lak, focusing on land, credit, production support, science and technology, markets, and policy implementation. It proposes improving the relevant policies and laws by expanding households' access to development resources, promoting their effective use, strengthening connections among livelihood-supporting conditions, and gradually enhancing households' capacity for self-reliant economic development.

Keywords: Dak Lak, ethnic minorities, household economy, livelihoods, policies and laws.

1. Đặt vấn đề

Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) và miền núi luôn giữ vị trí quan trọng trong chính sách phát triển của Việt Nam. Hiến pháp năm 2013 khẳng định các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển. Nhà nước thực hiện chính sách phát triển toàn diện và tạo điều kiện để các DTTS phát huy nội lực, cùng phát triển với đất nước (Quốc hội, 2013). Trên nền tảng đó, hệ thống chính sách, pháp luật đối với vùng đồng bào DTTS ngày càng được mở rộng trên nhiều lĩnh vực như đất đai, tín dụng, giảm nghèo, phát triển sản xuất, đào tạo nghề, khoa học - kỹ thuật và cơ sở hạ tầng.

Đối với đồng bào DTTS ở khu vực nông thôn, hộ gia đình là chủ thể trực tiếp quyết định việc sử dụng lao động, đất đai, vốn và tham gia thị trường. Vì vậy, hiệu quả của chính sách phát triển cần được phản ánh ở thu nhập, tính ổn định của sinh kế, khả năng tích lũy, tái đầu tư và thích ứng với rủi ro.

Đắk Lắk là địa bàn phù hợp để xem xét vấn đề phát triển kinh tế hộ dân tộc thiểu số từ góc độ này. Các nghiên cứu trước đây tại Đắk Lắk đã chỉ ra sự phụ thuộc đáng kể của sinh kế hộ đồng bào DTTS vào nông nghiệp, cùng những hạn chế về nguồn lực sinh kế và khả năng ứng phó với rủi ro (Phan Xuân Linh, Quyền Đình Hà, 2016). Một nghiên cứu gần đây tại Đắk Lắk cho thấy sự bất bình đẳng giữa hộ thuộc nhóm đa số và hộ DTTS có liên quan đến sự khác biệt trong tiếp cận và khai thác các nguồn lực sinh kế (Bierkamp, S., Nguyen, T. T., & Grote, U., 2023).

Điều này cho thấy phát triển kinh tế hộ khó có thể đạt được bằng việc bổ sung riêng lẻ từng nguồn lực. Phát triển kinh tế hộ vì vậy đòi hỏi sự kết nối giữa đất đai, vốn, kỹ thuật và thị trường để nguồn lực hỗ trợ có thể được sử dụng hiệu quả và duy trì sinh kế sau hỗ trợ.

Từ năm 2026, chính sách đối với vùng đồng bào DTTS bước sang giai đoạn mới với Chương trình

(*) Bài viết là kết quả nghiên cứu thuộc Đề tài cấp Bộ “Những rào cản tâm lý đối với phát triển kinh tế hộ gia đình của các dân tộc thiểu số tỉnh Đắk Lắk hiện nay” (2025-2026), Chủ nhiệm đề tài: TS. Lê Minh Thiên; Cơ quan chủ trì: Viện Xã hội học và Tâm lý học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: phnhat3524@gmail.com

mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2026-2035 theo Nghị quyết số 257/2025/QH15 và Nghị quyết số 424/NQ-CP (Quốc hội, 2025). Việc tích hợp các chương trình tạo điều kiện giảm sự phân tán nguồn lực, đồng thời đặt ra yêu cầu cao hơn về phối hợp và tổ chức thực hiện.

Trên cơ sở đó, chính sách phát triển kinh tế hộ gia đình DTTS cần được xem xét trên ba phương diện: khả năng tiếp cận chính sách; khả năng sử dụng, chuyển hóa nguồn lực hỗ trợ; và khả năng tự duy trì, phát triển sinh kế sau hỗ trợ.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Chính sách, pháp luật đối với phát triển kinh tế hộ gia đình các dân tộc thiểu số

2.1.1. Kinh tế hộ gia đình và yêu cầu phát triển kinh tế hộ gia đình các dân tộc thiểu số

Kinh tế hộ gia đình là hoạt động kinh tế được tổ chức chủ yếu trên cơ sở các nguồn lực của hộ nhằm tạo thu nhập và bảo đảm đời sống. Ở vùng DTTS, kinh tế hộ thường gắn chặt với điều kiện tự nhiên, đất đai, phương thức sản xuất và các quan hệ cộng đồng.

Các nghiên cứu cho thấy phát triển kinh tế hộ DTTS phụ thuộc vào nguồn lực sinh kế, năng lực sản xuất, khả năng ứng phó với rủi ro và cơ hội tham gia các hoạt động phi nông nghiệp (Phan Xuân Linh, Quyền Đình Hà, 2016; Tran, T. Q., 2015). Vì vậy, chính sách cần vừa khắc phục những bất lợi về điều kiện ban đầu, vừa tạo khả năng để hộ sử dụng hiệu quả các nguồn lực được hỗ trợ và lựa chọn cơ cấu sinh kế phù hợp.

2.1.2. Khung chính sách, pháp luật hiện hành

Trong những năm gần đây, chính sách đối với vùng đồng bào DTTS chuyển theo hướng tổng thể hơn. Nghị quyết số 88/2019/QH14 và Quyết định số 1719/QĐ-TTg đã hình thành khung chính sách giai đoạn 2021–2030 về sinh kế, đất đai, sản xuất, nguồn nhân lực và cơ sở hạ tầng (Quốc hội, 2016; Thủ tướng Chính phủ, 2021). Luật Đất đai năm 2024 tiếp tục củng cố cơ sở pháp lý về đất đai đối với đồng bào DTTS (Quốc hội, 2024).

Từ năm 2026, các chính sách tiếp tục được triển khai trong khuôn khổ Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026–2035 theo Nghị quyết số 257/2025/QH15 và Nghị quyết số 424/NQ-CP (Quốc hội, 2025), đặt ra yêu cầu tăng cường kết nối và sử dụng hiệu quả các nguồn lực.

Trên cơ sở khung chính sách, pháp luật chung, Đắk Lắk đã ban hành nhiều văn bản cụ thể hóa phù hợp với điều kiện địa phương. Đáng chú ý là Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 về chính sách hỗ trợ đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số; Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 24/12/2025 về khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; và Nghị quyết số 18/2026/NQ-HĐND ngày 06/8/2026 về phân bổ nguồn lực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026–2030 trên địa bàn tỉnh (Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk, 2024, 2025, 2026).

Có thể nhận thấy, hệ thống chính sách hiện nay đã bao phủ khá rộng các điều kiện phát triển kinh tế hộ. Tuy nhiên, vấn đề quan trọng không chỉ là độ bao phủ mà còn là khả năng kết nối các chính sách và chuyển hóa nguồn lực hỗ trợ thành kết quả phát triển thực tế của hộ gia đình.

2.2. Thực trạng chính sách, pháp luật đối với phát triển kinh tế hộ gia đình các dân tộc thiểu số tại Đắk Lắk

2.2.1. Chính sách về đất đai và điều kiện sản xuất

Đất đai có ý nghĩa đặc biệt đối với kinh tế hộ DTTS tại Đắk Lắk. Các nghiên cứu trước đây tại địa phương đã chỉ ra những hạn chế về nguồn lực sinh kế và khả năng ứng phó với rủi ro của một bộ phận hộ đồng bào DTTS (Phan Xuân Linh, Quyền Đình Hà, 2016). Trong những năm gần đây, chính sách đất đai đối với đồng bào DTTS đã được cụ thể hóa rõ hơn. Trên cơ sở Điều 16 Luật Đất đai năm 2024, HĐND tỉnh Đắk Lắk ban hành Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 quy định chính sách hỗ trợ đất đai đối với đồng bào DTTS sinh sống trên địa bàn tỉnh, tập trung vào các trường hợp thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo còn thiếu hoặc không có đất ở, đất nông nghiệp (Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk, 2024).

Việc cụ thể hóa chính sách đất đai tại địa phương tạo thêm cơ sở để giải quyết một trong những điều kiện thiết yếu của sinh kế hộ. Tuy nhiên, xét từ yêu cầu phát triển kinh tế hộ, có đất mới chỉ là điều kiện ban đầu. Hiệu quả sản xuất còn phụ thuộc vào chất lượng đất, nguồn nước, khả năng đầu tư, kỹ thuật canh tác, quy mô sản xuất và đầu ra.

Điều này cho thấy giải quyết vấn đề đất sản xuất không thể chỉ dừng lại ở việc bảo đảm diện tích đất. Ở những địa bàn còn khả năng bố trí quỹ đất, việc hỗ trợ hộ thiếu hoặc không có đất sản xuất vẫn cần được tiếp tục. Nhưng tại những nơi quỹ đất hạn chế hoặc diện tích hiện có quá nhỏ để tạo thu nhập ổn định, chính sách không thể chỉ xoay quanh việc bổ sung đất. Đất đai phải được đặt trong tổng thể các điều kiện tạo sinh kế, đồng thời cần mở rộng cơ hội chuyển đổi nghề và phát triển nguồn thu phi nông nghiệp đối với những hộ không có lợi thế về đất.

2.2.2. Chính sách tín dụng và khả năng tiếp cận nguồn lực tài chính

Vốn là điều kiện cần thiết để hộ đầu tư cây trồng, vật nuôi, máy móc, cải tạo đất hoặc phát triển ngành nghề. Đối với những hộ có khả năng tích lũy thấp, tín dụng chính sách có thể tạo nguồn lực ban đầu để mở rộng hoặc chuyển đổi sinh kế.

Tuy nhiên, vay được vốn chưa đồng nghĩa với sử dụng vốn hiệu quả. Đối với hộ có thu nhập thấp và ít nguồn dự phòng, thất bại của phương án sản xuất có thể ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống; vì vậy, sự thận trọng trước khoản vay trong nhiều trường hợp là phản ứng dễ hiểu hơn là biểu hiện của sự thiếu chủ động.

Mặt khác, tín dụng khó phát huy tác dụng nếu người vay thiếu kỹ thuật hoặc sản phẩm không có đầu ra ổn định. Khi vốn, kỹ thuật và thị trường được triển khai theo những kênh tách biệt, rủi ro có thể chuyển từ thiếu vốn sang đầu tư kém hiệu quả.

Từ góc độ đó, hiệu quả của chính sách tín dụng không nên chỉ được đánh giá bằng khả năng tiếp cận vốn. Quan trọng hơn là khoản vay có tạo được thu nhập, nâng cao năng lực sản xuất và giúp hộ cải thiện khả năng tự tích lũy hay không. Điều này đòi hỏi tín dụng phải được đặt trong mối liên hệ với các điều kiện phát triển sinh kế khác.

2.2.3. Chính sách hỗ trợ sản xuất, khoa học - kỹ thuật và nâng cao năng lực của hộ gia đình

Các chính sách hỗ trợ sản xuất, khuyến nông, đào tạo nghề và chuyển giao khoa học - kỹ thuật có tác động trực tiếp đến năng suất và hiệu quả của kinh tế hộ. Trong thời gian qua, nhiều chương trình đã hỗ trợ giống, vật nuôi, máy móc, tập huấn và xây dựng mô hình sản xuất. Trong giai đoạn mới, việc hỗ trợ sản xuất tiếp tục được đặt trong khuôn khổ tích hợp các chương trình mục tiêu quốc gia. Nghị quyết số 18/2026/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Đắk Lắk đã cụ thể hóa vốn đối ứng và nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn lực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026–2030 trên địa bàn tỉnh (Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk, 2026). Điều này tạo cơ sở cho việc bố trí nguồn lực thực hiện các chính sách phát triển sản xuất và sinh kế tại địa phương.

Đối với hộ DTTS, khó khăn không chỉ nằm ở cơ hội tiếp cận kỹ thuật mà còn ở việc kỹ thuật đó có phù hợp và có thể áp dụng trong điều kiện cụ thể của hộ hay không. Phương thức sản xuất được hình thành qua nhiều năm, gắn với kinh nghiệm, đất đai, khả năng tài chính và mức độ chịu đựng rủi ro.

Điều này cho thấy cần quan tâm nhiều hơn đến khoảng cách giữa được hỗ trợ và sử dụng được sự hỗ trợ. Một mô hình đòi hỏi vốn lớn hoặc kỹ thuật phức tạp khó phù hợp với hộ nghèo dù có thể mang lại năng suất cao. Ngược lại, mô hình được triển khai ngay tại địa bàn, có hộ tương đồng áp dụng thành công và được hỗ trợ kỹ thuật trong quá trình thực hiện thường có sức thuyết phục cao hơn.

Công nghệ số cũng mở ra thêm cơ hội, nhưng cần bắt đầu từ nhu cầu thực tế. Với hộ sản xuất nhỏ, những ứng dụng thiết thực có thể là tiếp cận thông tin về giá cả, thời tiết, kỹ thuật, thanh toán, tín dụng hay tìm kiếm người mua.

2.2.4. Chính sách thị trường, liên kết sản xuất và đa dạng hóa sinh kế

Đất, vốn và kỹ thuật tạo nên khả năng sản xuất, nhưng thị trường mới quyết định sản phẩm có trở

thành thu nhập hay không. Với hộ sản xuất quy mô nhỏ, việc tiếp cận thông tin, đáp ứng tiêu chuẩn, tập trung sản lượng và thương lượng với người mua thường gặp nhiều khó khăn. Chính sách của tỉnh trong thời gian gần đây đã chú trọng hơn đến việc kết nối sản xuất với thị trường. Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 24/12/2025 của HĐND tỉnh Đắk Lắk quy định chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, tạo cơ sở để hỗ trợ các hình thức liên kết giữa hộ sản xuất, hợp tác xã và các chủ thể tham gia chuỗi sản xuất, tiêu thụ sản phẩm (Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk, 2025).

Hợp tác xã, tổ hợp tác và liên kết với doanh nghiệp có thể giúp khắc phục phần nào những hạn chế này. Tuy nhiên, hiệu quả của liên kết cần được đánh giá từ lợi ích mà hộ thành viên thực sự nhận được, thay vì chỉ căn cứ vào số lượng tổ chức hoặc mô hình được thành lập. Một liên kết chỉ có ý nghĩa khi giúp người dân giảm chi phí, nâng cao chất lượng sản phẩm và có đầu ra ổn định hơn.

Bên cạnh thị trường nông sản, chính sách cần quan tâm đến đa dạng hóa sinh kế. Các nghiên cứu về sinh kế của hộ DTTS ở Việt Nam đã chỉ ra vai trò của hoạt động phi nông nghiệp đối với thu nhập hộ, đồng thời cho thấy giáo dục, cơ sở hạ tầng và sự hiện diện của doanh nghiệp địa phương có ảnh hưởng đến khả năng tham gia các hoạt động này (Tran, T. Q., 2015).

Điều này cho thấy phát triển kinh tế hộ DTTS không nên đồng nhất với mở rộng sản xuất nông nghiệp. Với những hộ có lợi thế về đất, nông nghiệp hàng hóa có thể tiếp tục là hướng chính. Với hộ thiếu đất hoặc có lao động trẻ, việc làm phi nông nghiệp, dịch vụ, ngành nghề và kinh doanh nhỏ có thể phù hợp hơn. Chính sách cần tạo điều kiện để từng nhóm hộ lựa chọn cơ cấu sinh kế phù hợp với điều kiện của mình.

2.2.5. Tổ chức thực hiện chính sách và các yếu tố xã hội, văn hóa, tâm lý

Hiệu quả của chính sách còn phụ thuộc vào cách chính sách đến được với người dân. Ở vùng đồng bào DTTS, quá trình này chịu ảnh hưởng của trình độ học vấn, ngôn ngữ, khả năng tiếp cận thông tin, mạng lưới giao tiếp, niềm tin và năng lực của đội ngũ thực thi ở cơ sở.

Chính quyền cấp xã, cán bộ chuyên môn, trưởng thôn, trưởng buôn và người có uy tín trong cộng đồng giữ vai trò quan trọng trong truyền tải thông tin, hướng dẫn thủ tục, hỗ trợ kỹ thuật và kết nối người dân với các chương trình hỗ trợ. Một chính sách dù có lợi nhưng người dân không biết mình thuộc đối tượng nào hoặc phải liên hệ ở đâu thì vẫn khó đi vào cuộc sống.

Các quyết định kinh tế của hộ cũng chịu ảnh hưởng của môi trường văn hóa và cộng đồng. Quan hệ cộng đồng có thể tạo ra nguồn lực tích cực thông qua chia sẻ lao động, kinh nghiệm và thông tin; ngược lại, tâm lý e ngại rủi ro hoặc xu hướng duy trì cách làm quen thuộc có thể làm chậm quá trình tiếp nhận phương thức sản xuất mới.

Tuy vậy, không nên quy giản những khó khăn trong phát triển kinh tế thành “tâm lý trông chờ”, “tập quán lạc hậu” hay thiếu ý chí. Một hộ ngại vay vốn có thể vì khả năng chịu rủi ro thấp; không chuyển đổi cây trồng có thể vì đầu ra chưa chắc chắn. Có thể nhận thấy, các yếu tố xã hội, văn hóa và tâm lý cần được đặt trong quan hệ với điều kiện vật chất và môi trường chính sách, thay vì được coi là những nguyên nhân độc lập của tình trạng nghèo hoặc chậm phát triển.

2.3. Hoàn thiện chính sách, pháp luật đối với phát triển kinh tế hộ gia đình các dân tộc thiểu số tại Đắk Lắk

2.3.1. Hoàn thiện chính sách đất đai gắn với bảo đảm sinh kế bền vững

Chính sách đất đai cần được đặt trong mục tiêu rộng hơn là bảo đảm sinh kế. Hỗ trợ đất sản xuất vẫn cần thiết đối với hộ thiếu đất tại những địa bàn còn khả năng bố trí quỹ đất, nhưng không nên được coi là phương án duy nhất.

Đối với hộ đang sử dụng đất nhưng gặp khó khăn về pháp lý, cần tăng cường hỗ trợ thực hiện thủ tục và bảo đảm quyền sử dụng đất theo quy định. Với những hộ có đất nhưng hiệu quả sản xuất thấp, chính sách cần kết nối với nước tưới, cải tạo đất, vốn, giống, kỹ thuật và tổ chức sản xuất.

Tại những địa bàn không còn quỹ đất phù hợp, cần áp dụng cách tiếp cận linh hoạt hơn theo nguyên tắc “đất hoặc sinh kế phù hợp”. Đào tạo nghề, hỗ trợ công cụ sản xuất, tín dụng, kinh doanh nhỏ và kết nối việc làm đều có thể giúp hộ tạo nguồn thu ổn định.

2.3.2. Nâng cao khả năng tiếp cận và hiệu quả sử dụng tín dụng

Tín dụng cần được gắn chặt hơn với năng lực sử dụng vốn. Người vay cần được cung cấp thông tin rõ ràng về điều kiện vay, nghĩa vụ trả nợ và lựa chọn phù hợp với hoàn cảnh của mình. Đối với vốn phục vụ sản xuất, cần hỗ trợ xác định phương án đầu tư, chi phí, đầu ra và các rủi ro chủ yếu.

Việc tư vấn tín dụng cũng cần tính đến khả năng chịu rủi ro và nguồn dự phòng của từng hộ, tránh khuyến khích vay vốn khi các điều kiện bảo đảm hiệu quả của phương án sản xuất chưa được xác lập.

Cần tăng cường phối hợp giữa tổ chức tín dụng chính sách, chính quyền cơ sở, tổ chức đoàn thể, khuyến nông, hợp tác xã và doanh nghiệp để kết nối vốn với kỹ thuật và đầu ra. Kiến thức quản lý tài chính hộ, nhất là lập kế hoạch sử dụng vốn, tiết kiệm và dự phòng, cũng cần trở thành một nội dung hỗ trợ.

2.3.3. Đổi mới hỗ trợ sản xuất, chuyển giao khoa học - kỹ thuật và nâng cao năng lực của hộ gia đình

Chính sách hỗ trợ sản xuất cần giảm dần cách làm thiên về cấp phát đầu vào và dành nhiều hơn cho quá trình hình thành năng lực sản xuất. Việc lựa chọn mô hình phải căn cứ vào điều kiện đất đai, nguồn nước, khả năng tài chính và thị trường của từng địa bàn, từng nhóm hộ; không nên nhân rộng một mô hình chỉ vì mô hình đó thành công ở nơi khác.

Trong chuyển giao kỹ thuật, cần tăng mô hình trình diễn, hướng dẫn tại hộ và hỗ trợ trong quá trình áp dụng. Những hộ sản xuất thành công ngay tại cộng đồng có thể trở thành điểm tham chiếu gần gũi và thuyết phục hơn đối với người dân.

Ứng dụng công nghệ số cũng cần đi từ đơn giản đến phức tạp, ưu tiên những công cụ giải quyết trực tiếp nhu cầu của hộ như thông tin giá cả, thời tiết, kỹ thuật, dịch vụ công, thanh toán, tín dụng và kết nối thị trường.

Tiêu chí đánh giá chính sách cũng cần thay đổi tương ứng. Số lớp tập huấn hay số hộ nhận hỗ trợ chỉ phản ánh đầu vào; kết quả quan trọng hơn là tỷ lệ hộ thực sự áp dụng được kỹ thuật, duy trì mô hình và cải thiện hiệu quả sản xuất.

2.3.4. Phát triển thị trường, liên kết sản xuất và đa dạng hóa sinh kế

Yếu tố thị trường cần được tính đến ngay khi lựa chọn mô hình hỗ trợ. Trước khi khuyến khích mở rộng một cây trồng, vật nuôi hoặc sản phẩm, cần xem xét nhu cầu thị trường, yêu cầu chất lượng, khả năng chế biến và rủi ro về giá.

Hợp tác xã, tổ hợp tác và liên kết với doanh nghiệp cần tiếp tục được khuyến khích, nhưng lợi ích kinh tế thực tế của hộ thành viên phải là thước đo chính. Nhà nước hỗ trợ về pháp lý, kỹ thuật, quản trị và kết nối; các tổ chức kinh tế phải bảo đảm minh bạch và hài hòa lợi ích trong quan hệ liên kết.

Đối với sản phẩm có lợi thế bản địa, cần hỗ trợ nâng cao chất lượng, truy xuất nguồn gốc, chế biến và xây dựng thương hiệu. Việc sử dụng các kênh thương mại số nên thông qua hợp tác xã, doanh nghiệp hoặc chủ thể trung gian có năng lực thay vì đặt toàn bộ yêu cầu lên từng hộ sản xuất nhỏ.

Đồng thời, chính sách cần dành vị trí rõ ràng hơn cho các sinh kế ngoài nông nghiệp. Đào tạo nghề phải gắn với nhu cầu lao động và cơ hội việc làm cụ thể. Với hộ thiếu đất hoặc có lao động trẻ, dịch vụ, việc làm phi nông nghiệp và kinh doanh nhỏ cần được xem là những hướng phát triển phù hợp.

2.3.5. Nâng cao năng lực tổ chức thực hiện chính sách phù hợp với đặc điểm xã hội, văn hóa của cộng đồng

Trong điều kiện tổ chức chính quyền địa phương hiện nay, cấp xã cần được phát huy như đầu mối kết nối người dân với các nguồn lực phát triển. Người dân không nhất thiết phải biết một chính sách thuộc chương trình nào; điều quan trọng là họ biết mình có thể được hỗ trợ gì và cần thực hiện những thủ tục nào.

Cần tăng khả năng cung cấp và kết nối thông tin tại cơ sở về đất đai, tín dụng, khuyến nông, đào

tạo nghề, hỗ trợ sản xuất, thị trường và việc làm. Thông tin chính sách cần rõ ràng, dễ hiểu, phù hợp với khả năng tiếp nhận của cộng đồng; trường buôn, già làng, người có uy tín và những hộ sản xuất thành công có thể tham gia truyền tải thông tin và kinh nghiệm.

Việc thực hiện chính sách cần tôn trọng sự khác biệt giữa các cộng đồng dân tộc thiểu số, tránh nhận định mang tính định kiến. Các yếu tố tâm lý phải được xem xét cùng với điều kiện vật chất, thông tin, thị trường và mức độ rủi ro mà hộ phải đối mặt. Đồng thời, cần phát huy những giá trị tích cực của cộng đồng như tương trợ, chia sẻ kinh nghiệm và uy tín xã hội.

3. Kết luận

Chính sách, pháp luật đối với phát triển kinh tế hộ gia đình DTTS đang chuyển từ hỗ trợ trực tiếp, tương đối phân tán sang cách tiếp cận tổng hợp hơn. Tại Đắk Lắk, những chính sách gần đây về đất đai, hỗ trợ sản xuất, liên kết và tiêu thụ sản phẩm đã cụ thể hóa thêm các điều kiện phát triển kinh tế hộ.

Vấn đề đặt ra không đơn thuần là tăng số lượng chính sách hay mức hỗ trợ, mà là nâng cao khả năng tiếp cận và chuyển hóa các nguồn lực thành sinh kế bền vững. Điều đó đòi hỏi kết nối đất đai với điều kiện sản xuất, tín dụng với năng lực sử dụng vốn, khoa học - kỹ thuật với khả năng áp dụng, sản xuất với thị trường và tổ chức thực hiện với đặc điểm xã hội, văn hóa của cộng đồng.

Thước đo cuối cùng là sau hỗ trợ, đời sống kinh tế của hộ có ổn định hơn, khả năng tích lũy, tái đầu tư và mức độ chủ động trước biến động của thị trường có được cải thiện hay không. Đó cũng là ý nghĩa thực chất của việc chuyển từ hỗ trợ nguồn lực sang nâng cao năng lực tự chủ của hộ gia đình DTTS.

Tài liệu tham khảo

Bierkamp, S., Nguyen, T. T., & Grote, U. (2023). Natural resource extraction and ethnic inequality in Dak Lak, Vietnam. *Environment and Development Economics*, Vol. 28, No. 6, pp. 559-579. DOI: 10.1017/S1355770X23000062.

Chính phủ (2025). *Nghị quyết số 424/NQ-CP ngày 30/12/2025 ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035*.

Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk (2024). *Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 quy định chính sách hỗ trợ đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk*.

Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk (2025). *Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 24/12/2025 quy định chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk*.

Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk (2026). *Nghị quyết số 18/2026/NQ-HĐND ngày 06/8/2026 quy định vốn đối ứng từ ngân sách địa phương và nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026–2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk*.

Phan Xuân Linh, Quyền Đình Hà (2016). Sinh kế của hộ đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Đắk Lắk. *Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam* (tập 14), số 2, tr. 229-237.

Quốc hội (2019). *Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030*.

Quốc hội (2013). *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*.

Quốc hội (2024). *Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024*.

Tran, T. Q. (2015). Nonfarm employment and household income among ethnic minorities in Vietnam. *Economic Research-Ekonomska Istraživanja*, Vol. 28, No. 1, pp. 703-716. DOI: 10.1080/1331677X.2015.1087872.

Thủ tướng Chính phủ (2021). *Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025*.